

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2020.

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con giữa chị KT và anh
Th”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được

Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2020 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HN, ngày 09/11/2020; Thông báo dời phiên tòa xét xử số: 01/TB-TA, ngày 19/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị KT, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp KN, xã HMD, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp KN, xã HMD, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị KT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T qua thời gian quen biết và tìm hiểu đến năm 2007 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã HMD, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 hiện đang sống với anh T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm

2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau anh T đuổi chị nên chị đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị KT yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung tên: Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 chị đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị KT không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Cao Thị KT không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị KT không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung chị KT trình bày là đúng. Về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh thừa nhận năm 2018 do kinh tế khó khăn vợ chồng cãi nhau anh có đánh chị KT nhưng đã hàn gắn được hạnh phúc gia đình, đến tháng 9 năm 2020 KT tự ý bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh xét thấy còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc; trường hợp ly hôn về con chung tên Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu chị KT cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung của vợ chồng anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay con chung của chị KT và anh T tên Nguyễn MT, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo dời phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị KT, xử cho chị KT được ly hôn với anh T, về con chung Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 giao cho anh T tiếp tục nuôi

đưỡng và theo nguyện vọng của con Nguyễn MT được sống chung với anh T, về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị KT và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị KT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Cao Thị KT khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị KT và anh Nguyễn MT xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị KT và anh T là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị KT và anh T tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị KT và anh T đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, từ khi ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải hai lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị KT và anh T không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị KT xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. chị KT xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị KT, xử cho chị KT và anh T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 là con chung của chị KT và anh T, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu MT và cháu MN sống với anh Thiện, được anh T nuôi dưỡng

chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa anh T xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp và theo nguyện vọng của con Nguyễn MT được sống chung với anh T. Tại phiên tòa chị KT đồng ý để anh T được quyền nuôi dưỡng hai con chung, để cháu MT và cháu MN có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu MT và cháu MN cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh T không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị KT và anh T không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị KT và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị KT phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị KT.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị KT và anh Nguyễn Minh T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Anh Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn MT, sinh ngày 01/11/2008 và Nguyễn MN, sinh ngày 14/10/2015 sau khi ly hôn.

Chị Cao Thị KT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị KT và anh T không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị KT và anh T không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị KT và anh T không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Cao Thị KT có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002587 ngày 02/10/2020 do chị Tư nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Cao Thị KT đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
 - VKSND huyện, tỉnh;
 - Chi Cục THADS huyện;
 - Các đương sự;
 - UBND xã HMĐ,
- huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tranh